

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/DS-ST

Ngày: 12-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M1, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị M2, sinh năm: 1982 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn N, sinh năm: 1978 (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị M1, sinh năm: 1979 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 3 năm 2017) (Có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-02-2017, bản tự khai ngày 16-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M1 trình bày:*

Vào ngày 15-10-2016, bà có cho bà Lê Thị M2 vay số tiền 10.000.000 đồng để cất nhà ở. Do hai bên là chị e ruột, nên việc vay mượn tiền không làm biên nhận, cũng không tính lời lãi, chỉ thỏa thuận mỗi tháng bà M2 phụ tiền mua sữa cho con của bà là 300.000 đồng và thỏa thuận đến Tết (không xác định rõ ngày) bà M2 sẽ trả tiền lại. Sau khi mượn tiền, bà M2 có phụ tiền mua sữa cho con bà được 01 tháng bằng 300.000 đồng rồi ngưng không phụ nữa và cũng không trả lại 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Bà nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà M2 trả tiền, nhưng bà M2 không chịu trả. Ngày 11-01-2017, bà có yêu cầu Tổ hòa giải Ban nhân dân A, thị trấn C hòa giải vụ việc tranh chấp, bà M2 có mặt dự hòa giải, thừa nhận có mượn tiền, nhưng không đồng ý trả tiền lại cho bà.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị M2 trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai ngày 16-3-2017, biên bản lấy lời khai ngày 20-6-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị M2 trình bày:*

Vào ngày 15-10-2016, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, nên bà có hỏi mượn chị ruột là Lê Thị M1 số tiền 10.000.000 đồng để xoay sở kinh tế trong nhà và định cất một căn chòi ra ở riêng. Lúc mượn tiền, hai chị em không thỏa thuận thời gian trả, cũng không thỏa thuận lãi suất. Khoảng một tháng sau đó, bà M1 đòi bà trả lại tiền, bà có nói do khó khăn khi nào có tiền mới trả. Nhưng bà M1 không đồng ý và khởi kiện bà ra Tòa. Bà xác nhận có nhận của bà M1 10.000.000 đồng. Nay cũng đồng ý trả lại cho bà M1 số tiền này, nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Việc bà phụ tiền sữa cho con bà M1 được 300.000 đồng thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Về nội dung bà trình bày vào khoảng năm 2000, bà M1 có mượn của bà 05 chỉ vàng 24K để làm vốn làm ăn, do đến nay bà M1 chưa trả vàng cho bà, nên bà định khấu trừ số tiền mà bà thiếu bà M1 vào số vàng bà M1 mượn của bà, nhưng do bà chưa có chứng cứ để chứng minh, nên bà không khởi kiện phản tố, chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án.

Bà xác nhận sau ngày Tòa án mời hòa giải - ngày 16-3-2017 thì bà có nhận được các thông báo triệu tập của Tòa án mời đến Tòa cung cấp chứng cứ, làm thủ tục khởi kiện phản tố, tham dự hòa giải và đối chất, nhưng do bà bận đi làm thường xuyên, không nghỉ được, nên bà không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Bà cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh việc vay mượn tiền, vàng giữa bà với bà M1 và bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

** Tại bản tự khai ngày 01-3-2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N trình bày:* Ông là bạn bè thân thiết và có mối quan hệ tình cảm với bà Lê Thị M1. Giữa ông với bà M1 cùng hùn vốn làm ăn với nhau. Ông có biết việc bà Lê Thị M2 vay mượn tiền của bà M1 và nguồn tiền bà M1 cho bà M2 mượn là lấy từ số tiền mà ông và bà M1 góp vốn làm ăn chung. Tuy nhiên, trong vụ kiện này, ông không tranh chấp cũng không yêu cầu gì cho riêng ông, mà ông

thống nhất với toàn bộ ý kiến của bà M1 là yêu cầu bà M2 trả lại cho bà M1 số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị M1 có mặt thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là khấu trừ 300.000 đồng tiền bà M2 phụ tiền sửa cho con của bà vào số tiền 10.000.000 đồng, nay bà M1 yêu cầu bà M2 trả cho bà là 9.700.000 đồng và bà M1 xác nhận từ trước đến nay không có vay mượn vàng của bà M2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N do bà M1 đại diện theo ủy quyền thống nhất với yêu cầu, ý kiến của bà M1, không bổ sung thêm; Bị đơn bà Lê Thị M2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M1; Buộc bà Lê Thị M2 trả cho bà Lê Thị M1 số tiền đã vay mượn còn nợ là 9.700.000 đồng. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[2] *Về áp dụng pháp luật:* Ngày 15-10-2016, bà Lê Thị M1 có cho em ruột là bà Lê Thị M2 vay số tiền 10.000.000 đồng, hợp đồng vay không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, mục đích vay để bà M2 xoay sở kinh tế gia đình và cất nhà ở, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn được quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến ngày 11-01-2017 các bên phát sinh tranh chấp do bà M2 không trả nợ vay cho bà M1, vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] *Về thẩm quyền:* Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, các bên đã phát sinh tranh chấp về phương thức thanh toán nợ, nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu giải quyết; Đối với bị đơn bà Lê Thị M2 có nơi cư trú tại

khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

[4] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị M2 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 12-7-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng bà M2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị M2 theo luật định.

[5] *Về nội dung*: Giữa nguyên đơn bà Lê Thị M1 và bị đơn bà Lê Thị M2 thống nhất xác định có xác lập quan hệ vay (mượn) tiền, nhưng hai bên không thống nhất phương thức thanh toán. Nguyên đơn bà M1 yêu cầu bà M2 phải trả đủ số tiền 10.000.000 đồng; bị đơn bà M2 thừa nhận còn nợ số tiền 10.000.000 đồng đúng như nguyên đơn yêu cầu, nhưng xin trả dần do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn. Tại phiên tòa, bà M1 thay đổi một phần yêu cầu là yêu cầu bà M2 trả số tiền 9.700.000 đồng. Xét việc bị đơn bà M2 chưa trả khoản tiền đã vay, nên nguyên đơn bà M1 yêu cầu bà M2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà M2 xin trả dần số tiền nợ, nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận. Tòa án không có cơ sở xem xét và chấp nhận ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn khi nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[6] *Về lãi suất*: Do nguyên đơn bà M1 xác định không yêu cầu tính lãi suất, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Đối với việc bà M2 nại lý do không đồng ý trả nợ* vì bà M1 có mượn của bà M2 05 chỉ vàng 24K vào khoảng năm 2000 để làm vốn làm ăn đến nay chưa trả, nên bà M2 đã tự khấu trừ số tiền mà bà nợ bà M1 vào số vàng bà M1 nợ của bà. Bà M1 không thừa nhận sự việc mượn vàng của bà M2. Tòa án đã thông báo cho bà M2 về việc phải cung cấp chứng cứ chứng minh và làm đơn khởi kiện phản tố. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 20-6-2017 bà M2 xác định chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án. Do đó, nếu bà M2 có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích của bà bị bà M1 xâm phạm thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật bằng một vụ kiện khác.

[8] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M1; Buộc bà Lê Thị M2 có trách nhiệm trả cho bà M1 số tiền đã vay là 9.700.000 đồng.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M1 được chấp nhận, nên bà không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Lê Thị M2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà M1 là 485.000 đồng ($= 5\% \times 9.700.000$ đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M1.

Buộc bị đơn bà Lê Thị M2 phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị M1 số tiền đã vay là 9.700.000 đ (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M2 phải chịu 485.000 đ (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M1 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2015/0009111 ngày 27 tháng 02 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nguyễn Thanh Thảo